

**TÓM TẮT ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP 06 PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHÍ LINH VÀ THÀNH LẬP
THÀNH PHỐ CHÍ LINH THUỘC TỈNH HẢI DƯƠNG**

**Phần thứ nhất
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
- Công văn 262/UBTVQH14-PL ngày 17/04/2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thống nhất thực hiện các quy định về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6;
- Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ về hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;
- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh định hướng phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2010;

- Quyết định số 747/QĐ-BXD ngày 25/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận thị xã Chí Linh là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Hải Dương;

- Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 16/06/2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị thị xã Chí Linh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn 2030;

- Thông báo số 194-TB/UB ngày 10/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương lập Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Chí Linh và Đề án nâng cấp thị xã Chí Linh lên thành phố trước năm 2020;

- Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ xây dựng đề án thành lập 06 phường và thành lập thành phố Chí Linh thuộc tỉnh Hải Dương.

II. SỰ CẦN THIẾT

1. Thành lập 06 phường thuộc thị xã Chí Linh

1.1. Xã Hoàng Tiến nằm ở phía Đông Bắc của thị xã Chí Linh. Xã Hoàng Tiến nằm trong vùng bán sơn địa, địa hình đa dạng có núi cao, đồi thấp và vùng đất bằng ven sông.

Diện tích đất tự nhiên toàn xã 15,7 km²; dân số 6.417 người, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên là 0,53%. Tổng thu ngân sách xã năm 2017 đạt 12,937 tỷ đồng, chi ngân sách 12,303 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã đạt 11,1%. Trong những năm qua xã Hoàng Tiến đã áp dụng phương thức phát triển kinh tế xã hội, tích cực chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng vùng sản xuất tập trung các giống cây trồng mới đưa vào sản xuất đạt chất lượng, thu nhập cao cải thiện đời sống người dân trên địa bàn. Tỷ lệ hộ nghèo trong xã giảm đáng kể: năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo là 4,47%, năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo là 1,51% đến năm 2017 tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 1,32%. Thu nhập bình quân đầu người của xã đạt 38,129 triệu đồng/người/năm.

Xã Hoàng Tiến nằm trên tuyến đường quốc lộ 18A đi qua có lợi thế thu hút đầu tư các dự án sản xuất dịch vụ. Đến nay trong xã đã có những dự án đầu tư đã đi vào hoạt động tạo được công ăn việc làm cho nhiều lao động địa phương góp phần phát triển kinh tế xã hội trên toàn xã. Với lợi thế gần tuyến Quốc lộ 18A nên các hộ dân trong xã ngày càng phát triển về dịch vụ thương mại nhất là dịch vụ vận tải; trên địa bàn xã có 229 hộ kinh doanh dịch vụ thương mại doanh thu ước đạt 195,580 tỷ đồng đạt 111,82% kế hoạch năm. Tổng số đường giao thông được nhựa hóa, bê tông hóa trong xã là 13,62 km. Tỷ lệ chiếu sáng đường giao thông tương đối ổn định và đảm bảo. Hệ thống lưới điện mới được đầu tư, nâng cấp và cải tạo bảo đảm đáp ứng được nhu cầu sử dụng của người dân và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Năm 2016, xã Hoàng Tiến được nhận danh hiệu đạt chuẩn Nông thôn mới.

1.2. Xã An Lạc có diện tích đất tự nhiên rộng: 1069,78 ha (10,69 km²); dân số 7.113 người, số người trong tuổi lao động là 4.268 người; với số lao động được đào tạo 2.990 người đạt tỷ lệ 64,6%, đây là một tiềm năng, lợi thế quan trọng trong quá trình phát triển của địa phương. Cùng với các xã trên địa bàn thị xã Chí Linh, trong những năm qua tình hình kinh tế xã An Lạc phát triển ổn định; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng: thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp; tỷ trọng nông nghiệp giảm nhưng tăng về năng suất, chất lượng (trong đó tập trung chủ yếu là phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch ba banh, gạch bê tông, nghề mộc, dịch vụ buôn bán lẻ hàng tiêu dùng phục vụ cho đời sống nhân dân trong xã và các địa phương khác). Tổng giá trị sản xuất năm 2017 đạt 195,8 tỷ đồng tăng 9,3% so với kế hoạch và tăng 14,2% so với năm 2016; thu nhập bình quân đầu người đạt 37,3 triệu đồng/người/năm tăng so với năm 2016 là 10,7%. Trên địa bàn xã có di tích lịch sử Đền Cao là điểm đến du lịch của xã An Lạc thu hút lượng lớn khách đến tham quan.

Hạ tầng đô thị của xã cũng phát triển đồng bộ; hệ thống đường trục chính, liên xã, liên thôn, xóm đã được bê tông hóa; hệ thống đường giao thông nội đồng cũng đã được cứng hóa với sự đóng góp của nhân dân. Hệ thống thủy lợi cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất và dân sinh, kênh mương tưới tiêu đã kiên cố hóa 88,3%.

1.3. Xã Đồng Lạc có vị trí nằm trên tuyến đường Quốc lộ 37 với 3 mặt xung quanh được bao bọc bởi con sông Kinh Thầy nên có điều kiện tương đối thuận lợi giao thông liên xã, huyện; thông thương với các khu vực xung quanh và tương đối thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi... Xã có tổng diện tích tự nhiên là 1.153,71 ha (11,53 km²), dân số 7.536 người; số người trong độ tuổi lao động 5.210 người, số lao động được đào tạo là 2.625 chiếm 50,4% số lượng người trong tuổi lao động. Với vị trí đất đai, địa hình, khí hậu thuận lợi cho cây trồng, hoa màu, chăn nuôi phát triển; dân số đông, lực lượng lao động trẻ, dồi dào và có đào tạo đây là một thế mạnh để phát triển kinh tế- xã hội. Trong những năm gần đây, xã Đồng Lạc có những bước phát triển mạnh mẽ, đúng hướng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ, tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm, nhiều cơ sở sản xuất, dịch vụ hình thành và phát triển. Tốc độ tăng trưởng kinh tế 3 năm gần nhất của xã đạt 7%; tổng giá trị sản xuất năm 2017 đạt 287,906 tỷ đồng. Trong đó tỷ trọng các ngành: công nghiệp – xây dựng đạt 23,495 tỷ đồng chiếm 8,3%; thương mại – dịch vụ đạt 184,31 tỷ đồng chiếm 64%; nông – lâm – ngư nghiệp đạt 75,816 tỷ đồng chiếm 26,3%; các ngành nghề khác đạt 4,285 tỷ đồng chiếm 1,4%. Tỷ lệ hộ nghèo trên toàn xã giảm mạnh theo các năm: năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo là 5,79%, năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo là 3,38%, năm 2017 theo thống kê mới nhất toàn xã còn 1,9%; thu ngân sách năm 2017 đạt 5,88 tỷ đồng, chi ngân sách năm 2017 là 5,75 tỷ đồng; thu nhập bình quân/đầu người trong xã đạt 46,1 triệu/người/năm.

1.4. Xã Tân Dân nằm ở phía Đông Nam thị xã Chí Linh, có tuyến đường Quốc lộ 37 chạy qua tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thông, thông thương trong xã với các địa phương, khu vực xung quanh. Xã Tân Dân có diện tích đất tự nhiên 938,55 ha (9,3 km²), dân số là 7.691 người; số người trong tuổi lao động là 5.223 người, số lượng người lao động đã được đào tạo là 4.223 người chiếm 80,8% tổng số người trong tuổi lao động. Tổng giá trị sản xuất năm 2017 đạt 327,4 tỷ đồng tăng 10% so với cùng kỳ năm trước; tốc độ phát triển kinh tế trung bình 03 năm gần nhất đạt 11,4%. Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ nghèo trong xã có sự chuyển biến rõ rệt (năm 2015: 4,73%, năm 2016: 3,19%, năm 2017 là 1,08%). Kinh tế trên địa bàn xã trong những năm gần đây tiếp tục tăng trưởng ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, năm 2017 tỷ trọng ngành Công nghiệp – xây dựng đạt 30,22%, ngành thương mại – dịch vụ đạt 50,67%, ngành nông lâm – ngư nghiệp đạt 19,11%; thu ngân sách của xã trong năm 2017 đạt 19,623 tỷ đồng, chi ngân sách: 19,407 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người trong xã đạt 47 triệu đồng/người/ năm. Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật: phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật cũng đang tạo sức hút cho các nhà đầu tư trong và ngoài địa phương với những dự án đang được triển khai nâng cấp cơ sở hạ tầng, giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương với các địa phương khác như: nâng cấp cải tạo từ ngã tư Giang đến ngã 3 Triều Nội, nâng cấp đường giao thông từ Giang Hạ đến đê Vạn Thắng, xây dựng trường học, xây dựng khu dân cư thôn Nội... với mức đầu tư lên đến 22,908 tỷ đồng. Các dự án đã đi vào khai thác như: đường giao thông, trường học, trạm y tế, Trụ sở, hội trường UBND xã... với mức đầu tư 98,5 tỷ đồng đang tạo nên một sự phát triển đồng bộ từ chất lượng đến cảnh quan đô thị của xã Tân Dân trong xu hướng phát triển chung của toàn thị xã. Cuối năm 2014, xã Tân Dân đã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới.

1.5. Xã Cổ Thành có diện tích tự nhiên 8,26 km², dân số 7.246 người, trong đó số người trong độ tuổi lao động là 3.800 chiếm 52,4%; số người lao động đã qua đào tạo là 3.200 chiếm 84,2%. Trong những năm qua, tình hình kinh tế của xã Cổ Thành phát triển ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng: thương mại - dịch vụ, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và giảm tỷ trọng nông nghiệp, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm nghiệp giúp làm giảm sức lao động, tăng năng suất vật nuôi, cây trồng tạo phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã. Năm 2017 tổng giá trị sản xuất trên địa bàn đạt: 218,7 tỷ đồng, trong đó, thương mại – dịch vụ 135,2 tỷ đồng; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng: 45,5 tỷ đồng, giá trị sản xuất nông lâm - ngư nghiệp đạt 38 tỷ đồng; tổng thu ngân sách trên địa bàn xã là 10,947 tỷ đồng, chi ngân sách 10,912 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người năm 2017 đạt 41,92 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 1,67%. Hạ tầng đô thị được quan tâm và phát triển đồng bộ, trên địa bàn xã đến nay có 27 km trục đường chính đã được chiếu sáng, nhựa hóa và bê tông hóa 100%.

1.6. Xã Văn Đức nằm phía Đông Nam thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, với tổng diện tích đất tự nhiên 1.431,68 ha (14,32 km²) và dân số 10.020 người; số người trong tuổi lao động là 6.035 người, lao động đã được đào tạo 3.135 người chiếm 52%. Tăng trưởng kinh tế của xã luôn giữ vững, ổn định và phát triển; tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2017 đạt 5,54% bình quân 3 năm đạt 14,03%; tổng giá trị sản xuất của xã năm 2017 đạt 352,282 tỷ đồng. Tỷ lệ hộ nghèo trong xã cũng giảm rõ rệt; năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo là 6,28%, năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo là 2,98%, năm 2017 tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 1,63%. Tổng thu ngân sách của xã đạt 11,752 tỷ đồng, chi ngân sách 11,427 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 38,755 triệu đồng/người/năm tăng 5,54% so với năm 2016.

Hệ thống cơ sở hạ tầng của xã luôn được quan tâm đầu tư xây dựng, ngoài tuyến đường 184 dài 3,5 km đã được bê tông hóa, trong xã có 3 trục đường chính dài 9,3 km cùng với các tuyến đường liên thôn, xóm đến nay 100% đã được bê tông hóa; cứng hóa. Hệ thống kênh mương thủy lợi toàn xã cũng đã được nâng cấp đảm bảo nguồn nước cung cấp cho các ngành nông lâm – ngư nghiệp với tổng chiều dài 11,3 km đã được kiên cố hóa 10km đạt tỷ lệ 88%. Xã có trên 90% các hộ dân sử dụng nguồn nước sạch do công ty nước Hải Dương cung cấp. Hệ thống điện sinh hoạt trên toàn xã đã bàn giao cho điện lực Chí Linh, đến nay 100% các trục đường điện đã được nâng cấp đạt chuẩn, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện đạt 100%.

1.7. Xã Kênh Giang là xã nhỏ, nằm ở phía Đông của thị xã, giáp ranh với xã Văn Đức. Xã có hai thôn, thôn Nam Hải nằm gọn trong diện tích xã Nguyễn Huệ- Đông Triều- Quảng Ninh; Tân Lập là một thôn đảo nằm cách biệt với đất liền.

Xã Kênh Giang có diện tích đất tự nhiên 46,28 ha (0.46 km²), dân số là 596 người. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn năm 2017 đạt: 20,361 tỷ đồng. Hệ thống giao thông trên địa bàn khá tốt và đồng bộ, phần lớn đã được nhựa hóa, bê tông hóa, tạo điều kiện lưu thông thuận lợi để phát triển kinh tế địa phương; đến nay, trên địa bàn xã đã bê tông hóa 4,1 km đường thôn, xã bằng bê tông xi măng, đạt 100%.

Tóm lại, với những tiềm năng, thế mạnh và quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tốc độ đô thị hóa trong thời gian vừa qua của các xã Hoàng Tiến, An Lạc, Văn Đức và Kênh Giang, Đồng Lạc, Tân Dân, Cổ Thành đã đặt ra nhiều yêu cầu đổi mới trong công tác quản lý Nhà nước từ nông thôn sang đô thị, nhất là trên các lĩnh vực: quản lý dân cư, quy hoạch, xây dựng, môi trường, An ninh - Quốc phòng, định hướng phát triển kinh tế, xã hội theo đà phát triển và tốc độ đô thị hóa trong các năm tiếp theo. Các điều kiện, tiêu chuẩn thành lập các phường Hoàng Tiến, An Lạc, Đồng Lạc, Tân Dân, Cổ Thành trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số của các xã Hoàng Tiến, An Lạc, Đồng Lạc, Tân Dân, Cổ Thành đã bảo đảm đạt theo quy định. Đối với xã Kênh Giang do quy mô diện tích và dân số quá nhỏ, vì vậy để mở rộng không gian phát triển, phát huy các tiềm năng, thế mạnh của địa phương và thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị

Trung ương 6 khóa XII, cần thiết sáp nhập xã Kênh Giang và xã Văn Đức để thành lập phường Văn Đức.

Việc thành lập 6 phường Hoàng Tiến, An Lạc, Văn Đức, Đồng Lạc, Tân Dân, Cổ Thành cũng là nhằm đáp ứng mục tiêu xây dựng thị xã Chí Linh trở thành thành phố thuộc tỉnh Hải Dương, đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương. Để chuẩn bị cho việc thành lập các phường nêu trên, UBND tỉnh Hải Dương, UBND thị xã Chí Linh đã có sự chuẩn bị từ những năm trước đây, từ xây dựng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch phát triển đô thị⁽¹⁾, tập trung các nguồn lực để phát triển các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm bảo đảm đạt đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

2. Thành lập thành phố Chí Linh

Thị xã Chí Linh nằm trong vùng tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Có đường giao thông thuận lợi. Đường bộ có Quốc lộ 18 chạy dọc theo hướng Đông-Tây qua trung tâm thị xã nối liền Hà Nội - Quảng Ninh, đường Quốc lộ 183 nối Quốc lộ 5 và Quốc lộ 18, Quốc lộ 37 là đường vành đai chiến lược Quốc gia từ trung tâm thị xã đi tỉnh Bắc Giang. Đường thủy có chiều dài 40 km đường sông bao bọc phía Đông, Tây, Nam của thị xã thông thương với Hải Phòng, Bắc Giang, Đập Cầu (Bắc Ninh).

Chí Linh còn là điểm kết nối trên chuỗi đô thị hành lang kinh tế công nghiệp Bắc Ninh - Chí Linh - Đông Triều - Mạo Khê - Uông Bí - Hạ Long; có vị trí thuận lợi về giao thông đường bộ tuyến QL18, QL37 và đường vành đai 5 của vùng Thủ đô Hà Nội; có tuyến đường sắt Kép - Hạ Long và tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân đang triển khai xây dựng; có hệ thống vận tải đường thủy chạy trên các sông Thái Bình, sông Thương, sông Đông Mai, sông Kinh Thầy, sông Lục Nam, sông Cầu thông thương với Hải Phòng - Bắc Giang - Bắc Ninh; nhờ đó có điều kiện giao lưu phát triển kinh tế với nhiều vùng miền khác nhau. Với hệ thống các khu công nghiệp và cụm công nghiệp đóng góp nguồn thu lớn cho tỉnh và thị xã.

Ngày 12/02/2010, tại Nghị quyết số 09/NQ-CP, Chính phủ đã thành lập thị xã Chí Linh trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số và số đơn vị hành chính trực thuộc của huyện Chí Linh; đồng thời thành lập 8 phường: Bến Tắm, Phả Lại, Sao Đỏ, Chí Minh, Cộng Hòa, Hoàng Tân, Thái Học, Văn An trên cơ sở 3 thị trấn và 5 xã có tên tương ứng.

(¹) Các quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển đô thị của các xã bao gồm: Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 16/06/2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị thị xã Chí Linh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn 2030; Thông báo số 194-TB/UB ngày 10/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương lập Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Chí Linh và Đề án nâng cấp thị xã Chí Linh lên thành phố trước năm 2020;

Sau 7 năm thành lập đến nay, thị xã Chí Linh đã có sự phát triển mạnh mẽ, đồng bộ trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị. Xác định rõ lợi thế của mình, thị xã Chí Linh đã tập trung xây dựng 2 đề án trọng điểm về phát triển kinh tế, gồm: “Phát triển du lịch, dịch vụ gắn với phát huy giá trị các di tích lịch sử trên địa bàn” và “Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển chăn nuôi thủy sản tập trung”. Năm 2017, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 8,89%, ngành thương mại và dịch vụ chiếm tỷ trọng 32,60%, ngành công nghiệp xây dựng chiếm 57,3%, ngành nông nghiệp chiếm 10,10%. Tổng giá trị sản xuất đạt 11.410 tỷ đồng tăng 8,89% so với năm 2016, thu nhập bình quân đầu người đạt 65,772 triệu đồng/người/năm, tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 1.009,1 tỷ đồng.

Tiềm năng cho phát triển du lịch tâm linh ở đây được đánh giá là có nhiều lợi thế bởi lẽ: Chí Linh có 25 di tích lịch sử đã được xếp hạng, trong đó: 02 di tích đã được xếp hạng Quốc gia đặc biệt đó là Chùa Côn Sơn và Đền Kiếp Bạc; 08 di tích được xếp hạng Quốc gia gồm: đền thờ Nguyễn Thị Duệ, đền Chu Văn An, đền Gốm, đền Cao, chùa Thanh Mai, đền Sinh- đền Hóa, đền Quốc Phụ và đình Chí Linh. Quần thể di tích Côn Sơn – Kiếp Bạc là điểm du lịch, lễ hội văn hóa tâm linh nổi tiếng của cả nước.

Với tiềm năng và lợi thế của mình trong chiến lược phát triển kinh tế tỉnh Hải Dương, thị xã Chí Linh còn được xác định là đô thị động lực, trung tâm kinh tế, trung tâm văn hóa thương mại, du lịch và công nghiệp của tỉnh, giữ vị trí chiến lược quan trọng của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Xác định xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội là khâu quan trọng, do đó thị xã đã có nhiều biện pháp tích cực nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư, từng bước nâng cấp, đổi mới bộ mặt đô thị. Đến nay, hệ thống kết cấu hạ tầng của thị xã đã được nâng cấp, đồng bộ, từng bước hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh việc chỉnh trang, nâng cấp các tuyến đường, khu phố cũ, thị xã đã xây mới hàng chục khu đô thị như: Khu đô thị mới Hồ Mật Sơn, Trường Linh, Chúc Cương, thị xã Chí Linh, dự án khu dân cư phía đông đường Yết Kiêu, cụm du lịch biệt thự nhà vườn Côn Sơn - Kiếp Bạc, khu sinh thái Phú Gia... Bên cạnh đó, để phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của người dân, cũng như để thay đổi diện mạo, thị xã đã tập trung xây dựng nhiều công trình công cộng như khu công viên hồ Mật Sơn, công viên hồ Bến Tắm, công viên Phượng Hoàng, quảng trường, sân vận động thị xã và hàng chục sân vận động tại các phường, xã phục vụ người dân. Ngày 25 tháng 6 năm 2015, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 747/QĐ-BXD công nhận thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương là đô thị loại III.

Tuy nhiên, từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị trên địa bàn thị xã Chí Linh những năm gần đây đã làm nảy sinh những khó khăn phức tạp trong công tác lãnh đạo, điều hành phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm Quốc phòng, An ninh. Sự phát triển của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn, tốc độ đô thị

hóa nhanh làm tăng nhanh dân số cơ học trong thời gian qua đã nảy sinh nhiều tác động xã hội phải tập trung giải quyết kịp thời, như: quản lý trật tự xây dựng đô thị, quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện nước, nhà ở xã hội.. và quản lý về kinh tế - xã hội như giáo dục, y tế, thương mại, du lịch, hộ khẩu, nhân khẩu, an ninh trật tự, các tệ nạn xã hội. Do đó, việc thành lập thành phố Chí Linh là nhu cầu khách quan, nhằm giải quyết những bất cập do sự phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hiện nay.

Việc thành lập thành phố Chí Linh thuộc tỉnh Hải Dương trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số và số đơn vị hành chính trực thuộc của thị xã Chí Linh là phù hợp với các quy định hiện hành, hoàn toàn tương xứng với vị thế địa chính trị, địa kinh tế của thị xã Chí Linh, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050; chương trình phát triển đô thị thị xã Chí Linh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn 2030 của UBND tỉnh Hải Dương. Đây sẽ là hạt nhân tác động mạnh mẽ đến quá trình đô thị hóa của đô thị Chí Linh, với vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa, thương mại, du lịch và khoa học của khu vực phía Bắc tỉnh Hải Dương, từ đó hình thành và phát triển hệ thống đô thị của tỉnh Hải Dương và vùng thủ đô Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh. Nâng cao năng lực, sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh phát triển thị xã Chí Linh phù hợp với phát triển đô thị Việt Nam, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển dịch vụ thương mại và du lịch, trọng tâm là du lịch tâm linh, du lịch sinh thái gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị di tích lịch sử, danh thắng trên địa bàn; xây dựng nếp sống văn minh đô thị và công dân thân thiện; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Các điều kiện, tiêu chuẩn thành lập thành phố Chí Linh cũng đã bảo đảm đạt theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đại đa số ý kiến cử tri trên địa bàn đều thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định thành lập thành phố Chí Linh thuộc tỉnh Hải Dương.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐỀ THÀNH LẬP 06 PHƯỜNG VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ CHÍ LINH

1. Điều kiện thành lập 06 phường và thành phố Chí Linh

Việc thành lập các phường Hoàng Tiến, An Lạc, Văn Đức (sáp nhập xã Văn Đức và xã Kênh Giang), Đông Lạc, Tân Dân, Cổ Thành và thành lập thành phố Chí Linh bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 128 Luật tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể:

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình phát triển đô thị của thị xã Chí Linh, mở rộng không gian đô thị thị xã Chí Linh theo hướng hiện đại nhằm tổ chức thực hiện chương trình phát triển đô thị thị xã Chí Linh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn 2030.

- Bảo đảm lợi ích chung của Quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các cấp của tỉnh Hải Dương; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Đất nước.

Tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các xã sau khi được lên phường;

- Việc thành lập các phường sẽ phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương này, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hoá... Từ đó, nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của người dân.

- Bảo đảm yêu cầu Quốc phòng – An ninh; Phía Đông Bắc của thị xã được bao bọc bởi núi rừng Đông Triều; còn 3 hướng Tây Bắc, Tây Nam và Đông Nam được bao bọc bởi hệ thống sông Thái Bình, sông Kinh Thầy và sông Đông Mai. Đây là vị trí “cửa ngõ” phía Bắc của tỉnh, tiếp giáp với các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Giang, Bắc Ninh và thông thương với các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng và trung tâm khu tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Vì vậy, thị xã Chí Linh là vị trí địa lý chiến lược quan trọng về Quốc phòng - An ninh, xây dựng thế trận khu vực phòng thủ trên địa bàn thị xã.

- Đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương; tạo sự thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và tạo được sự

đồng thuận của nhân dân trên địa bàn. Phát huy truyền thống các thời kỳ xây dựng thành phố công nghiệp văn minh, hiện đại.

2. Tiêu chuẩn để thành lập 06 phường

2.1. Tiêu chuẩn để thành lập phường Hoàng Tiến

a) Quy mô dân số

Tổng dân số đã quy đổi của xã Hoàng Tiến là 6.417 người. Theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ thì xã Hoàng Tiến được công nhận là xã miền núi giai đoạn 2016 – 2020. Vì vậy, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 31 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Hoàng Tiến đạt trên 50% (cụ thể là 91%) của tiêu chuẩn về dân số khi thành lập phường.

Đánh giá: *Đạt.*

b) Diện tích tự nhiên

Xã Hoàng Tiến có diện tích tự nhiên là 15,7km². Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì diện tích tự nhiên đối với phường là 5,5 km².

Đánh giá: *Đạt.*

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13

TT	Các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định tại NQ 1211/2016/UBTVQH13	Hiện trạng của xã Hoàng Tiến	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thị xã (3,3%)	2,43	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	≥80	80,63	Đạt

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Xã Hoàng Tiến	Đánh giá
1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	m ² / người	≥ 2,7	3,86	Đạt
2	Trạm y tế (≥ 500m ² /trạm)	trạm/5.000 người	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000m ²)	m ² /người	≥ 0,5	1,15	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² / người	≥ 2	3,1	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 9	43,2	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	kwh/người/năm	≥ 500	657,3	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 95	98	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3,5	3,68	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 25	55,31	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	90	Đạt

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Hoàng Tiến đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường Hoàng Tiến.

2.2. Tiêu chuẩn để thành lập phường An Lạc

a) Quy mô dân số

Tổng dân số đã quy đổi của xã An Lạc là 7.113 người. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì phường thuộc thành phố thuộc tỉnh là 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Diện tích tự nhiên

Xã An Lạc có diện tích tự nhiên là 1.069,78 ha (10,69 km²). Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì diện tích tự nhiên đối với phường là 5,5 km².

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13

TT	Các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định tại NQ 1211/2016/UBTVQH13	Hiện trạng của xã An Lạc	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thị xã (3,3%)	3,14	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	≥80	80,73	Đạt

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Xã An Lạc	Đánh giá
1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	m ² / người	≥ 2,7	3,7	Đạt
2	Trạm y tế (≥ 500m ² /trạm)	trạm/5.000 người	≥ 1	1	Đạt

3	Sân luyện tập ($\geq 3.000\text{m}^2$)	$\text{m}^2/\text{người}$	$\geq 0,5$	1,1	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	$\text{m}^2/\text{ người}$	≥ 2	2,62	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	$\text{m}^2/\text{người}$	≥ 9	33,4	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	kwh/người/năm	≥ 500	510,5	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 95	98	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km^2	$\geq 3,5$	4,11	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 25	45,8	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	98	Đạt

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã An Lạc đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường An Lạc.

2.3. Tiêu chuẩn để thành lập phường Văn Đức (sau khi sáp nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích và dân số của xã Kênh Giang với xã Văn Đức)

a) Quy mô dân số

Tổng dân số của xã Văn Đức và xã Kênh Giang sau khi sáp nhập là 10.616 người (trong đó dân số xã Văn Đức là 10.020 người; xã Kênh Giang dân số là 596 người). Theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì tiêu chuẩn quy mô dân số của phường thuộc thành phố thuộc tỉnh là 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên xã Văn Đức và xã Kênh Giang sau khi sáp nhập là 1.542,48 ha ($15,4 \text{ km}^2$), trong đó: diện tích tự nhiên của xã Văn Đức là 1.496,20 ha

(14,9 km²); diện tích đất tự nhiên của xã Kênh Giang là 46,28 ha (0.46 km²). Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì diện tích tự nhiên đối với phường là 5,5 km².

Đánh giá: Đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13

TT	Các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định tại NQ 1211/2016/UBTVQH13	Hiện trạng của xã Văn Đức	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thị xã (3,3%)	1,96	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	≥80	80,68	Đạt

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Xã Văn Đức	Đánh giá
1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	m ² / người	≥ 2,7	2,75	Đạt
2	Trạm y tế (≥ 500m ² /trạm)	trạm/5.000 người	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000m ²)	m ² /người	≥ 0,5	4,0	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² / người	≥ 2	3,7	Đạt
6	Diện tích đất giao	m ² /người	≥ 9	30,6	Đạt

	thông tính trên dân số				
7	Cấp điện sinh hoạt	kwh/người/năm	≥ 500	554,8	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 95	97	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 95	96	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	$\geq 3,5$	3,65	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 25	62,23	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	95	Đạt

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Văn Đức mới (sau khi sáp nhập với xã Kênh Giang) đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường Văn Đức.

2.4. Tiêu chuẩn để thành lập phường Đồng Lạc

a) Quy mô dân số

Tổng dân số đã quy đổi của xã Đồng Lạc là 7.536 người. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì tiêu chuẩn quy mô dân số của phường thuộc thành phố thuộc tỉnh là 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Diện tích tự nhiên

Xã Đồng Lạc có diện tích tự nhiên là 1.153,71 ha (11,5 km²). Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì diện tích tự nhiên đối với phường là 5,5 km².

Đánh giá đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13

TT	Các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định tại NQ 1211/2016/UBTVQH13	Hiện trạng của xã Đồng Lạc	Đánh giá
-----------	-----------------------	--------------------	--	-----------------------------------	-----------------

1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thị xã (3,3%)	2,35	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	≥80	81,25	Đạt

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Xã Đồng Lạc	Đánh giá
1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	m ² / người	≥ 2,7	3,8	Đạt
2	Trạm y tế (≥ 500m ² /trạm)	trạm/5.000 người	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000m ²)	m ² /người	≥ 0,5	2,4	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² / người	≥ 2	3,5	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 9	15	
7	Cấp điện sinh hoạt	kwh/người/năm	≥ 500	578,8	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 95	95	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
10	Mật độ đường công thoát nước chính	km/km ²	≥ 3,5	3,85	Đạt

11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 25	57,7	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	98,5	Đạt

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Đồng Lạc đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường Đồng Lạc.

2.5. Tiêu chuẩn để thành lập phường Tân Dân

a) Quy mô dân số

Tổng dân số đã quy đổi của xã Tân Dân là 7.691 người. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì tiêu chuẩn quy mô dân số của phường thuộc thành phố thuộc tỉnh là 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Diện tích tự nhiên

Xã Tân Dân có diện tích tự nhiên là 938,55 ha (9,3 km²). Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì diện tích tự nhiên đối với phường là 5,5 km².

Đánh giá đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13

TT	Các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định tại NQ 1211/2016/UBTVQH13	Hiện trạng của xã Tân Dân	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thị xã (3,3%)	2,95	Đạt

3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	≥80	82,73	Đạt
---	--	---	-----	-------	-----

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Xã Tân Dân	Đánh giá
1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	m ² / người	≥ 2,7	5,6	Đạt
2	Trạm y tế (≥ 500m ² /trạm)	trạm/5.000 người	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000m ²)	m ² /người	≥ 0,5	1,95	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² / người	≥ 2	10	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 9	10,2	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	kwh/người/năm	≥ 500	682	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 95	95	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3,5	4,18	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 25	50,52	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	90	Đạt

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Tân Dân đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường Tân Dân.

2.6. Tiêu chuẩn để thành lập phường Cổ Thành

a) Quy mô dân số

Tổng dân số đã quy đổi của xã Cổ Thành là 7.246 người. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì tiêu chuẩn quy mô dân số của phường thuộc thành phố thuộc tỉnh là 7.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Diện tích tự nhiên

Xã Cổ Thành có diện tích tự nhiên là 815,96 ha (8,1km²). Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì diện tích tự nhiên đối với phường là 5,5 km².

Đánh giá đạt.

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13

TT	Các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định tại NQ 1211/2016/UBTVQH13	Hiện trạng của xã Cổ Thành	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách		Đủ	Dư	Đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của thị xã (3,3%)	2,82	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	≥80	81,36	Đạt

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13

STT	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Xã Cổ Thành	Đánh giá
-----	------------	-------------	---------------	-------------	----------

1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	m ² / người	≥ 2,7	3,5	Đạt
2	Trạm y tế (≥ 500m ² /trạm)	trạm/5.000 người	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000m ²)	m ² /người	≥ 0,5	8,0	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² / người	≥ 2	3,3	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 9	23,7	Đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	kwh/người/năm	≥ 500	578,3	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 95	96	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 95	100	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 3,5	4,3	Đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 25	74,9	Đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	95	Đạt

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì xã Cổ Thành đã đạt 4/4 tiêu chuẩn để thành lập phường Cổ Thành.

3. Tiêu chuẩn để thành lập thành phố Chí Linh

a) Tiêu chuẩn về quy mô dân số

Dân số đã quy đổi của thị xã Chí Linh tính đến tháng 6 năm 2018 đạt 215.377 người, gồm 174.282 người dân số thường trú (theo số liệu thống kê đến ngày 30/06/2018) và 41.095 người {dân số tạm trú dưới 06 tháng, người lao động ở các khu công nghiệp, sinh viên các trường Cao đẳng, trung cấp, trường nghề, quy đổi từ lượng khách du lịch, vãng lai theo công thức $No = (2Nt \times M)/365$ }.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì dân số đối với thành phố thuộc tỉnh là 150.000 người trở lên.

Đánh giá: Đạt.

b) Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên

Diện tích tự nhiên của thị xã Chí Linh là 28.202,78 ha (282,03 km²). Theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì diện tích tự nhiên đối với thành phố là 150 km² trở lên.

Đánh giá đạt.

c) Tiêu chuẩn về đơn vị hành chính trực thuộc

- Thị xã Chí Linh có 19 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc (sau khi tiến hành sáp nhập xã Kênh Giang với xã Văn Đức).

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc của thành phố thuộc tỉnh có từ 10 đơn vị trở lên.

Đánh giá: đạt.

- Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã từ 65% trở lên.

Sau khi thành lập 06 phường mới, thị xã Chí Linh 14 phường, đạt 73,7%.

Đánh giá đạt.

d) Tiêu chuẩn đã được cấp có thẩm quyền công nhận là đô thị loại III

Thị xã Chí Linh đã được công nhận là đô thị loại III theo Quyết định số 747/QĐ-BXD ngày 25/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận thị xã Chí Linh là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Hải Dương.

Đánh giá đạt.

đ) Tiêu chuẩn về cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13

STT	Chỉ tiêu	Quy định Thành phố thuộc tỉnh	Thực trạng của Thị xã
1	Cân đối thu chi ngân sách	Dư	Dư
2	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)	1,05	1,22
3	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trung bình	8.89

		<i>hàng năm của tỉnh giai đoạn 2015 - 2017 là 8,77 %/năm)</i>	
4	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (<i>trung bình của tỉnh 3 năm gần nhất 2015, 2016, 2017 là 5,29 %/năm)</i>	3,3
5	Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế	80%	89,9
6	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành, nội thị, thị trấn, quận và phường	80%	80,89

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì thị xã Chí Linh đã đạt 5/5 tiêu chuẩn để thành lập thành phố Chí Linh.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG HOÀNG TIẾN, AN LẠC, VĂN ĐỨC, ĐỒNG LẠC, TÂN DÂN, CỔ THÀNH VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ CHÍ LINH

I. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CÓ LIÊN QUAN

1. Tỉnh Hải Dương

Theo số liệu thống kê tính đến ngày 31/12/2017, tỉnh Hải Dương có 1.668,2km² diện tích tự nhiên, dân số 1.797.228 người, có 12 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: 01 thành phố (Thành phố Hải Dương), 01 thị xã (Thị xã Chí Linh) và 10 huyện (huyện Cẩm Giàng, huyện Ninh Giang, huyện Gia Lộc, huyện Kim Thành, huyện Nam Sách, huyện Thanh Hà, huyện Tứ Kỳ, huyện Bình Giang, huyện Kinh Môn, huyện Thanh Miện); có 265 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 227 xã, 25 phường, 13 thị trấn).

Địa giới hành chính tỉnh Hải Dương: Phía Tây Bắc giáp tỉnh Bắc Ninh, phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang, phía Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Đông giáp thành phố Hải Phòng, phía Nam giáp tỉnh Thái Bình và phía Tây giáp tỉnh Hưng Yên.

2. Thị xã Chí Linh

Theo số liệu thống kê của tỉnh Hải Dương, tính đến ngày 30/06/2018 thị xã Chí Linh có 282,03 km² diện tích tự nhiên, dân số 215.377 người; có 20 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 08 phường: Phả Lại, Văn An, Chí Minh, Sao Đỏ, Thái Học, Cộng Hòa, Hoàng Tân, Bến Tắm và 12 xã: Bắc An, Hoàng Hoa Thám, Hưng Đạo, Lê Lợi, Nhân Huệ, Kênh Giang, An Lạc, Cổ Thành, Đồng Lạc, Hoàng Tiến, Văn Đức, Tân Dân, Cổ Thành.

Địa giới hành chính thị xã Chí Linh: Đông giáp thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp các huyện Lương Tài, Gia Bình, Quế Võ của tỉnh Bắc Ninh; Nam giáp huyện Kinh Môn và huyện Nam Sách; Bắc giáp các huyện Yên Dũng, Lục Nam của tỉnh Bắc Giang.

3. Xã Hoàng Tiến

Theo số liệu thống kê của thị xã Chí Linh, tính đến ngày 30/06/2018 xã Hoàng Tiến có 15,7 km² diện tích tự nhiên, dân số 6.417 người.

Địa giới hành chính xã Hoàng Tiến: Đông giáp các xã An Sinh, Bình Dương thuộc thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp phường Hoàng Tân; Nam giáp xã Bình Dương thị xã Đông Triều, Bắc giáp phường Bến Tắm thuộc thị xã Chí Linh.

4. Xã An Lạc

Theo số liệu thống kê của thị xã Chí Linh, tính đến ngày 30/06/2018 xã An Lạc có 10,69 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.113 người.

Địa giới hành chính xã An Lạc: Đông giáp sông Kinh Thầy; Tây giáp phường Thái Học; Nam giáp xã Tân Dân; Bắc giáp xã Văn Đức.

5. Xã Đồng Lạc

Theo số liệu thống kê của thị xã Chí Linh, tính đến ngày 30/06/2018 xã Đồng Lạc có 11,5 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.536 người.

Địa giới hành chính xã Đồng Lạc: Đông giáp xã Phúc Thành, Quang Trung huyện Kinh Môn; Tây giáp xã Thanh Quang huyện Nam Sách; Nam giáp xã Cộng Hòa; Bắc giáp xã Tân Dân.

6. Xã Tân Dân

Theo số liệu thống kê của thị xã Chí Linh, tính đến ngày 30/06/2018 xã Tân Dân có 9,3 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.691 người.

Địa giới hành chính xã Tân Dân: Đông giáp xã Phúc Thành huyện Kim Môn; Tây giáp phường Văn An; xã Thanh Quang, Nam Tân huyện Nam Sách; Nam giáp xã Đồng Lạc; Bắc giáp phường Chí Minh, phường Thái Học và xã An Lạc.

7. Xã Cổ Thành

Theo số liệu thống kê của thị xã Chí Linh, tính đến ngày 30/06/2018 xã Cổ Thành có 8,1 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.246 người.

Địa giới hành chính xã Cổ Thành: Đông giáp phường Văn An; Tây giáp sông Phả Lại và tỉnh Bắc Ninh; Nam giáp sông Kinh Thầy và huyện Nam Sách; Bắc giáp phường Phả Lại.

8. Xã Văn Đức

Theo số liệu thống kê của thị xã Chí Linh, tính đến ngày 30/06/2018 xã Văn Đức có 14,9 km² diện tích tự nhiên, dân số 10.020 người.

Địa giới hành chính xã Văn Đức: Đông giáp xã Nguyễn Huệ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp phường Thái Học thị xã Chí Linh; Nam giáp xã Lê Ninh, huyện Kinh Môn và xã An Lạc, thị xã Chí Linh; Bắc giáp các phường Cộng Hòa, Hoàng Tân, thị xã Chí Linh.

9. Xã Kênh Giang

Theo số liệu thống kê của thị xã Chí Linh, tính đến ngày 30/06/2018 xã Kênh Giang có 0,46 km² diện tích tự nhiên, dân số 596 người.

Địa giới hành chính xã Kênh Giang: Đông giáp thị xã Đông Triều; Tây giáp xã An Lạc; Nam giáp huyện Kinh Môn; Bắc giáp xã Văn Đức.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

1. Phường Hoàng Tiến

Thành lập phường Hoàng Tiến thuộc thị xã Chí Linh trên cơ sở toàn bộ 15,7 km² diện tích tự nhiên và 6.417 nhân khẩu của xã Hoàng Tiến.

Địa giới hành chính phường Hoàng Tiến: Đông giáp các xã An Sinh, Bình Dương thuộc thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp phường Hoàng Tân; Nam giáp xã Bình Dương thị xã Đông Triều, Bắc giáp phường Bến Tắm thuộc thị xã Chí Linh.

Trụ sở làm việc của phường Hoàng Tiến: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã Hoàng Tiến hiện có.

2. Phường An Lạc

Thành lập phường An Lạc thuộc thị xã Chí Linh trên cơ sở toàn bộ 10,69 km² diện tích tự nhiên và 7.113 nhân khẩu của xã An Lạc.

Địa giới hành chính phường An Lạc: Đông giáp sông Kinh Thầy; Tây giáp phường Thái Học; Nam giáp xã Tân Dân; Bắc giáp xã Văn Đức.

Trụ sở làm việc của phường An Lạc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã An Lạc hiện có.

3. Phường Đồng Lạc

Thành lập phường Đồng Lạc thuộc thị xã Chí Linh trên cơ sở toàn bộ 11,5 km² diện tích tự nhiên và 7.536 nhân khẩu của xã Đồng Lạc.

Địa giới hành chính phường Đồng Lạc: Đông giáp xã Phúc Thành, Quang Trung huyện Kinh Môn; Tây giáp xã Thanh Quang huyện Nam Sách; Nam giáp xã Cộng Hòa; Bắc giáp xã Tân Dân.

Trụ sở làm việc của phường Đồng Lạc: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã Đồng Lạc hiện có.

4. Phường Tân Dân

Thành lập phường Tân Dân thuộc thị xã Chí Linh trên cơ sở toàn bộ 9,3 km² diện tích tự nhiên và 7.691 nhân khẩu của xã Tân Dân.

Địa giới hành chính phường Tân Dân: Đông giáp xã Phúc Thành huyện Kim Môn; Tây giáp phường Vân An; xã Thanh Quang, Nam Tân huyện Nam Sách; Nam giáp xã Đồng Lạc; Bắc giáp phường Chí Minh, phường Thái Học và xã An Lạc.

Trụ sở làm việc của phường Tân Dân: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã Tân Dân hiện có.

5. Phường Cổ Thành

Thành lập phường Cổ Thành thuộc thị xã Chí Linh trên cơ sở toàn bộ 8,1 km² diện tích tự nhiên và 7.246 nhân khẩu của xã Cổ Thành.

Địa giới hành chính phường Cổ Thành: Đông giáp phường Văn An; Tây giáp sông Phả Lại và tỉnh Bắc Ninh; Nam giáp sông Kinh Thầy và huyện Nam Sách; Bắc giáp phường Phả Lại.

Trụ sở làm việc của phường Cổ Thành: Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã Cổ Thành hiện có.

6. Sáp nhập đơn vị hành chính xã Kênh Giang và xã Văn Đức để thành lập phường Văn Đức

Sáp nhập toàn bộ 0,46 km² diện tích tự nhiên, 596 nhân khẩu của xã Kênh Giang và toàn bộ 14,9 km² diện tích tự nhiên, 10.020 nhân khẩu của xã Văn Đức để thành lập phường Văn Đức thuộc thị xã Chí Linh. Phường Văn Đức có 15,36 km² diện tích tự nhiên và 10.616 nhân khẩu.

Địa giới hành chính của phường Văn Đức: Đông giáp xã Nguyễn Huệ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Tây giáp phường Thái Học thị xã Chí Linh; Nam giáp xã Lê Ninh, huyện Kinh Môn và xã An Lạc, thị xã Chí Linh; Bắc giáp các phường Cộng Hòa, Hoàng Tân, thị xã Chí Linh.

Trụ sở làm việc của phường Văn Đức: Trước mắt sử dụng trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể xã Văn Đức hiện có.

Về phương án sắp xếp tổ chức của HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam, đại biểu HĐND cấp xã; việc bố trí đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn nêu chi tiết tại mục IV – Phần thứ tư của Đề án.

Như vậy, sau khi sáp nhập và thành lập các phường, thị xã Chí Linh có 19 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 14 phường: Bến Tắm, Phả Lại, Sao Đỏ, Chí Minh, Cộng Hòa, Hoàng Tân, Thái Học, Văn An, Đồng Lạc, Tân Dân, An Lạc, Văn Đức, Cổ Thành, Hoàng Tiến và 05 xã: Bắc An, Hoàng Hoa Thám, Hưng Đạo, Lê Lợi, Nhân Huệ (giảm 01 đơn vị hành chính cấp xã).

III. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ CHÍ LINH

Thành lập thành phố Chí Linh trên cơ sở toàn bộ 282,03 km² diện tích tự nhiên, 215.377 người và 19 đơn vị hành chính cấp xã của thị xã Chí Linh.

Địa giới hành chính thành phố Chí Linh: phía Bắc giáp tỉnh Bắc Giang; phía Tây giáp tỉnh Bắc Ninh; phía Đông giáp thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh; phía Nam giáp các huyện: Nam Sách, Kinh Môn.

Trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của thành phố Chí Linh: Giữ nguyên trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của thị xã Chí Linh hiện có.

IV. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP 06 PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ CHÍ LINH VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ CHÍ LINH

1. Tỉnh Hải Dương giữ nguyên diện tích tự nhiên, dân số và số đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc (nhưng tăng 01 thành phố và giảm 01 thị xã); có 264 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 220 xã, 31 phường, 13 thị trấn), giảm 01 đơn vị hành chính cấp xã.

2. Thành phố Chí Linh có 282,03 km² diện tích tự nhiên, dân số 215.377 người; có 19 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 14 phường: Bến Tắm, Phả Lại, Sao Đỏ, Chí Minh, Cộng Hòa, Hoàng Tân, Thái Học, Văn An, Đồng Lạc, Tân Dân, An Lạc, Văn Đức, Cổ Thành, Hoàng Tiến và 05 xã: Bắc An, Hoàng Hoa Thám, Hưng Đạo, Lê Lợi, Nhân Huệ (giảm 01 đơn vị hành chính cấp xã).

3. Phường Hoàng Tiến có: 15,7 km² diện tích tự nhiên, dân số 6.417 người; có 08 tổ dân phố gồm: Trung Tâm, Phục Thiện, Đồng Cống, Hoàng Giám Cũ, Hoàng Giám Mới, Trại Trống, Tân Tiến và Ngũ Đài.

4. Phường An Lạc có: 10,69 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.113 người; có 07 tổ dân phố gồm: tổ dân phố Đại, Bờ Đa, Bờ Dọc, An Bài, Bờ Chùa, Trại Nẻ, Đồng Vày.

5. Phường Văn Đức có: 15,36 km² diện tích tự nhiên, dân số 10.616 người; có 12 tổ dân phố: Khê Khẩu, Vĩnh Đại 1, Vĩnh Đại 2, Vĩnh Long, Bích Thủy, Đông Xá, Bến Đò,

Bích Nham, Kênh Mai 1, Kênh Mai 2 (thuộc xã Văn Đức cũ) và Tân Lập, Nam Hải (thuộc xã Kênh Giang).

6. Phường Đồng Lạc có: 11,5 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.536 người; có 05 tổ dân phố gồm: Trụ Thượng, Trụ Hạ, Tế Sơn, Thủ Chính, Mạc Ngạn.

7. Phường Tân Dân có: 9,39 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.691 người; có 10 tổ dân phố gồm: tổ dân phố Nội, Kỹ Sơn Trên, Kỹ Sơn Dưới, Giang Thượng, Giang Hạ, Mạc Động, Cầu Quan, Vọng Thúc, Tư Giang.

8. Phường Cổ Thành có: 8,1 km² diện tích tự nhiên, dân số 7.246 người; có 10 tổ dân phố gồm: Đồng Lộc, Nam Đông, Nam Đoài, Cổ Châu + Cải Cách, Lý Dương + An Linh, Thành Lập + Tu Linh, Hòa Bình, Đồng Tâm, Ninh Giàng, Phao Tân (Theo chỉ đạo công văn 54/UBND-NV của Ủy ban nhân dân thị xã Chí Linh về việc sáp nhập, chia tách thôn, khu dân cư, dự kiến toàn xã Cổ Thành sáp nhập còn 10 thôn).

Phần thứ tư

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Sự phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và việc mở rộng không gian đô thị đã có những tác động nhiều mặt đến sự phát triển của các xã: Hoàng Tiến, An Lạc, Văn Đức, Đồng Lạc, Tân Dân, Cổ Thành, làm cho việc tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền theo mô hình xã như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải thành lập phường để đáp ứng yêu cầu phát triển và quản lý đô thị. Thành lập các phường: Hoàng Tiến, An Lạc, Văn Đức, Đồng Lạc, Tân Dân, Cổ Thành sẽ tạo điều kiện khai thác tốt hơn tiềm năng vùng ngoại thành; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực mới cho sự phát triển, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo An ninh - Quốc phòng.

Chí Linh là đô thị trung tâm của tỉnh Hải Dương và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, có tầm quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc thành lập thành phố Chí Linh trực thuộc tỉnh là phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời cùng tạo điều kiện thuận lợi cho thị xã Chí Linh và các xã, phường liên quan có cơ hội tăng cường thu hút đầu tư, tiếp tục cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cao hơn nữa đời sống nhân dân, đáp ứng nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Hải Dương nói chung và nhân dân thị xã Chí Linh nói riêng./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Hóa